

BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN**Công trình: Xây dựng Trạm bơm điện Bản Đin, thôn Pác Làng, xã Diềm He, huyện Văn Quan***(Kèm theo Quyết định số 1422 /QĐ-UBND, ngày 09 /5/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)**Đơn vị tính : đồng*

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng + chi phí thiết bị	Gxd		864.282.407	69.142.593	933.425.000
1	Quyết toán khối lượng nghiệm thu theo Hợp đồng số: 24/2022/HĐ-XD ngày 01 tháng 7 năm 2022; Phụ lục bổ sung hợp đồng số 24-1/2022/PLHĐ-XD ngày 28 tháng 10 năm 2022 (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 15/2022/NĐ-CP đối với khối lượng thi công trong năm 2022)		Có bảng tính	864.282.407	69.142.593	933.425.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	Giá trị đề nghị QT	24.610.000		24.610.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	Gtv1+Gtv2+Gtv3	60.408.333	4.832.667	65.241.000
1	Chi phí khảo sát (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 15/2022/NĐ-CP)	Gtv1	Theo BB nghiệm thu, quyết toán A-B	16.620.370	1.329.630	17.950.000
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 15/2022/NĐ-CP)	Gtv2	Theo BB nghiệm thu, quyết toán A-B	22.607.407	1.808.593	24.416.000
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Áp dụng VAT 8% theo NĐ 15/2022/NĐ-CP)	Gtv3	Theo BB nghiệm thu, quyết toán A-B	21.180.556	1.694.444	22.875.000
IV	Chi phí khác	Gk	Gk1+Gk2+Gk3	11.848.000		11.848.000
1	Chi phí thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư	Gk1	Dự toán duyệt	2.869.000		2.869.000
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Gk2	Dự toán duyệt	3.500.000		3.500.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	Gk3	$G_{QT} * 0,57\%$ (Trước VAT)	5.479.000		5.479.000
	TỔNG CỘNG		Gxd+Gqlđa+Gtv+Gk	961.148.741	73.975.259	1.035.124.000

(Bảng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi năm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng ./.)

BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**Công trình: Xây dựng Trạm bơm điện Bản Đin, thôn Pác Làng, xã Diềm He, huyện Văn Quan***(Kèm theo Quyết định số 1422 /QĐ-UBND, ngày 09 /5/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng số		1.035.124.000	1.093.260.000	-	58.136.000	
I	Chi phí xây dựng		933.425.000	989.658.000	-	56.233.000	
1	Công ty TNHH Mạnh Đại Phúc	Chi phí xây dựng và chi phí thiết bị	933.425.000	989.658.000		56.233.000	
II	Chi phí QLDA		24.610.000	24.858.000		248.000	
1	Ban QLDA ĐTXD huyện	Quản lý dự án	24.610.000	24.858.000		248.000	
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		65.241.000	65.875.000		634.000	
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng thủy lợi Lạng Sơn	Chi phí tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	42.366.000	43.000.000		634.000	
2	Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thuận An Phát	Giám sát thi công xây dựng	22.875.000	22.875.000	-	-	
IV	Chi phí khác		11.848.000	12.869.000		1.021.000	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	(a+b)	6.369.000	6.369.000	-		
a		<i>Chi phí thẩm định BCKTKT của cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư</i>	<i>2.869.000</i>	<i>2.869.000</i>	-	-	
b		<i>Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu</i>	<i>3.500.000</i>	<i>3.500.000</i>	-	-	
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 99/2021/NĐ-CP)	5.479.000	6.500.000		1.021.000	